TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-ST
Ngày 25/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Nhường.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Diều Thị Thiện.
Bà Nông Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngân-Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5-Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Việt Tiến-Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Cao Bằng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Nông Văn M, tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam

Sinh ngày 23/10/1998 tại B, Cao Bằng.

Căn cước công dân số: 004098000301, cấp ngày 04/11/2024, nơi cấp: C06-BCA.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm T, xã Q, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; con ông Nông Văn Q, sinh năm 1970 và bà Côn Thị M1, sinh năm 1974; vợ con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực B-Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 02/7/2025 đến ngày 13/9/2025, ngày 13/9/2025 đến nay được chuyển đến tạm giam tại Phân trại tạm B-Trại tạm giam Công an tỉnh C. (có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Linh Thị A-Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nông Văn Q, sinh năm 1970; nơi ĐKTT: Xóm T, xã Q, tỉnh Cao Bằng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 00 phút ngày 02/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an

tỉnh C (tổ công tác số 01) nhận được tố giác về tội phạm của quần chúng nhân dân về việc có một nam thanh niên thuê phòng nghỉ 103 nhà nghỉ H1 tại Khu C, xã B, tỉnh Cao Bằng (nay là Xóm C, xã B) có biểu hiện phạm tội về ma túy. Tổ Công tác tiến hành kiểm tra xác định trong phòng nghỉ 103 nhà nghỉ H1 có Nông Văn M (Sinh năm 1998, trú tại: xóm T, xã Q, tỉnh Cao Bằng), quá trình kiểm tra Nông Văn M tự giác giao nộp 01 túi zip màu trắng, bên trong có 01 gói nhỏ nilon màu đen, trong gói nilon màu đen có chứa chất bột dạng cục màu trắng (M khai nhận là ma túy, loại heroine). Tiến hành kiểm tra người Nông Văn M phát hiện, tạm giữ:

- Tại túi quần sau bên phải có tiền Việt Nam: 140.000 đồng.

- Tại túi quần trước bên trái có: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, loại điện thoại màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng. Số IMEI 1: 866867072279537, số IMEI 2: 866867072279529. Kiểm tra xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn đen-bạc, biển kiểm soát: 11M1-0037 là phương tiện đi lại của Nông Văn M. Không phát hiện đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Tiến hành kiểm tra phòng nghỉ 103 nhà nghỉ H1 không phát hiện, tạm giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan.

Tổ Công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa người cùng vật chứng về trụ sở Công an xã B, tỉnh Cao Bằng để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng vật chứng. Kết quả: Số chất bột dạng cục màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Nông Văn M có khối lượng là l,90g (một phẩy chín mươi gam). Ngày 03/7/2025, Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C ra Quyết định trưng cầu giám định số A175/QĐ-CSMT. Tại kết luận giám định số: 322/KL-KTHS ngày 10/7/2025 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: Chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine (H).

Ngày 03/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nông Văn M tại Tổ N, Q, B, Cao Bằng. Qua khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật tài liệu gì.

Tại cơ quan điều tra, Nông Văn M khai nhận: Khoảng 13 giờ ngày 02/7/2025, do bản thân có nhu cầu sử dụng ma túy nên M điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn đen-bạc, biển kiểm soát: 11Ml-0037 (chiếc xe của ông Nông Văn Q-bố đẻ Nông Văn M) đến xã N, tỉnh Cao Bằng để tìm mua ma túy. Khi đến địa phận xã N, M đi đến đỉnh dốc có một ngã ba thì rẽ phải vào đường liên xóm (không rõ địa chỉ cụ thể), đi được hơn 500 mét M gặp một người đàn ông không quen biết đang đứng gần đường nhìn giống người nghiện ma túy nên M dừng lại và hỏi: “Chú ơi, ở đây có biết lấy chỗ nào không” (ý là ở

đây có chỗ nào bán ma túy không). Người này trả lời: "em ở đâu đến", M trả lời: "ở dưới B, chú có biết lấy ở đâu thì lấy hộ cháu". Người kia nói: "Lấy phải trên 500.000 đồng thì mới lấy được". M liền lấy 700.000 đồng từ trong túi đưa cho người đàn ông. Người này nhận tiền và bảo M đi vào thêm một đoạn rồi đợi ở cạnh đường. M đợi khoảng 20 phút thì người đàn ông quay lại và đưa cho M 01 gói zip nilon màu trắng bên trong có một gói nilon màu đen bên trong có chứa heroine. Mục đích M mua heroine để bản thân sử dụng. Khi trao đổi mua bán chỉ có M và người đàn ông này biết. Sau đó M cầm gói heroine trên tay trái rồi điều khiển xe máy đi về xã B, còn người đàn ông kia đi đâu không rõ. Khi đến xã B, Nông Văn M vào thuê phòng 103 của nhà nghỉ H1 tại Xóm C, xã B, tỉnh Cao Bằng để nghỉ ngơi. Sau đó M bị tổ công tác Công an tỉnh C kiểm tra, phát hiện thu giữ toàn bộ số heroine vừa mua được.

Quá trình điều tra, Nông Văn M thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với các tài liệu, chúng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự Nông Văn M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại Điểm c, khoản 1, Điều 249 Bộ luật hình sự.

Các vật chứng, tài sản tạm giữ đã được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 5-tỉnh Cao Bằng theo đúng quy định để đảm bảo việc xét xử và thi hành án.

Tại cáo trạng số 14/CT-VKSKV5 ngày 09/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nông Văn M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nông Văn M thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng truy tố. Nhất trí với khối lượng ma túy thu giữ và nội dung bản kết luận giám định số 322/KL-KTHS ngày 10/7/2025 của Phòng K-Công an tỉnh C.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn Q trình bày: Chiếc xe máy biển kiểm sát 11M1- 0037 là tài sản cá nhân của ông Nông Văn Q, xe hay để gầm sàn nhà, mọi người trong gia đình thường hay sử dụng xe để đi lại. Việc Nông Văn M sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy ông Q không được biết, tại phiên tòa hôm nay ông đề nghị được trả lại xe.

- Kết thúc phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nông Văn M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù;

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Đối với vật chứng là ma túy thu giữ của bị cáo xác định là vật cấm lưu hành nên cần xử lý tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với xe máy nhãn hiệu HONDA WAWE màu sơn đen bạc, biển kiểm soát 11M1 - 0037 xe được xác định là tài sản của ông Nông Văn Q, việc Nông Văn M sử dụng chiếc xe trên để đi mua ma túy ông Q không biết nên đền N xem xét trả lại cho ông Q.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, loại điện thoại màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng được xác định là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại.

- Đối với số tiền 140.000 đồng tạm giữ của bị cáo, xác định số tiền này là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại.

Án phí: Bị cáo Nông Văn M là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Linh Thị A trình bày lời bào chữa cho bị cáo:

Nhất trí quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội danh, điều luật, hình phạt. Hành vi phạm tội đã được làm rõ nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Văn M về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đối với phần xử lý vật chứng và án phí nhất trí với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Nông Văn M nhất trí với lời bào chữa, không có lời bào chữa bổ sung.

Trong phần tranh luận Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm không đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự với lý do bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, hiểu biết được tác hại nhiều mặt của ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Người bào chữa vẫn giữ nguyên quan điểm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm quay trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nông Văn M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại, bản kết luận giám định, các biên bản lấy lời khai của bị cáo, biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Hồi 18 giờ ngày 02/7/2025 tại Khu C, xã B, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác Công an tỉnh C phát hiện và bắt quả tang Nông Văn M có hành vi tàng trữ trái phép 1,90 gam (một phẩy chín mươi gam) Heroine với mục đích sử dụng cho bản thân.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, đến trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Văn M về tội 'Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, nghiện ma túy.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng các tình tiết

giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Về hình phạt chính:

Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng. Bị cáo là người nghiện ma túy, có nhân thân xấu, tàng trữ 1,90 gam ma túy. Do đó cần thiết buộc phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ theo quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy bị cáo không giữ chức vụ gì trong đảng, chính quyền, các đoàn thể, nghề nghiệp của bị cáo trước khi phạm tội là lao động tự do, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là ma túy thu giữ của bị cáo là vật cấm lưu hành nên cần xử lý tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn đen-bạc, biển kiểm soát: 11M1-0037, xe máy là tài sản cá nhân của ông Nông Văn Q, xe được ông Q để dưới sàn nhà cho mọi người trong gia đình sử dụng đi lại. Việc bị cáo M sử dụng xe máy đi mua ma túy ông Q không được biết nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe cho ông Nông Văn Q.

- Đối với điện thoại di động OPPO màu trắng, loại điện thoại màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng xác định điện thoại di động là tài sản của bị cáo mua về để phục vụ liên lạc cá nhân, xác định điện thoại không được bị cáo sử dụng để liên lạc mua ma túy, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, cần được xem xét trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền Việt Nam: 140.000 đồng, đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh C nộp vào tài khoản tạm giữ của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, xác định số tiền trên của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần xử lý trả lại cho bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này, đối với hành vi mua heroine về sử dụng của Nông Văn M, quá trình điều tra xác định M không phải là đối tượng đang trong thời gian cai nghiện ma túy hoặc điều trị các chất ma túy bằng thuốc, đồng thời không phải là đối tượng đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này là

có căn cứ.

Đối với người đàn ông đã bán heroine cho Nông Văn M, quá trình mua bán chỉ có M và người này biết, ngoài ra M cũng không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể và đặc điểm cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh nhưng chưa có kết quả. Hiện nay đang tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý trong vụ án khác.

Đối với Nông Văn Q, khi M sử dụng xe máy để đi mua ma túy thì Q không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với nhà nghỉ H1 do bà Nguyễn Thị B quản lý, qua điều tra xác định B không phải đồng phạm với Nông Văn M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[7] Về án phí:

Bị cáo Nông Văn M là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí Hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nông Văn M phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn M 03 năm tù. Thời gian chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/7/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi "Số 322/KL-KTHS. H lại mẫu sau giám định vụ: Nông Văn M có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy", mặt sau phong bì có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong và đóng dấu giáp lai của Phòng K Công an tỉnh C.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn M:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, loại điện thoại màn hình cảm ứng, điện thoại đã qua sử dụng, số IMEI 1: 866867072279537, số IMEI 2: 866867072279529.

+ Tiền Việt Nam: 140.000đ *(Một trăm bốn mươi nghìn đồng),* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã nộp vào tài khoản tạm giữ số:

3949.0.1054207.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng mở tại kho bạc Nhà nước khu vực VII - Phòng nghiệp vụ 2.

- Trả lại cho ông Nông Văn Q, sinh năm 1970, địa chỉ: Xóm T, xã Q, tỉnh Cao Bằng:

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu sơn đen - bạc, loại xe: Hai bánh từ 50-175 cm^3, dung tích xi lanh: 97 cm^3, số chỗ ngồi: 2, năm sản xuất: 2010, biển kiểm soát: 11M1-0037, số khung: RLHHC1205AY011298, số máy: HC12E2511381, xe có gắn giá chở hàng bằng kim loại, không có gương chiếu hậu trái phải, không có hộp xích, xe đã qua sử dụng (có 01 chìa khóa xe kèm theo). Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an tỉnh C thu giữ giấy đăng ký của xe mô tô nói trên. Qua kiểm tra số khung, số máy thực tế của xe trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 10/9/2025 của Công an xã B, tỉnh Cao Bằng.

Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Phòng thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 13 ngày 10 tháng 9 năm 2025.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn M được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 5;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Phân trại tạm giam Bảo Lạc;
- UBND xã Quảng Lâm, tỉnh Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Văn Nhường